

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của việc nghiên cứu đề tài

Thời hạn giải quyết vụ án hình sự (VAHS) là một nội dung quan trọng của pháp luật tố tụng hình sự (PLTTHS), việc quy định thời hạn tố tụng hình sự (TTHS) hợp lý, khoa học là cơ sở quan trọng thúc đẩy các cơ quan tiến hành tố tụng (CQHTT), người tiến hành tố tụng trong việc phát hiện và xử lý tội phạm, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động TTHS.

Qua thực tiễn thi hành các quy định về thời hạn tố tụng trong PLTTHS nói chung, Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2003 nói riêng đã phát huy tác dụng trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, bên cạnh đó, các quy định về thời hạn TTHS vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập cả dưới góc độ điều chỉnh pháp luật và áp dụng pháp luật, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả đấu tranh phòng chống tội phạm, đến yêu cầu xây dựng một nền tư pháp dân chủ, công bằng, nghiêm minh, bảo vệ công lý, bảo đảm quyền con người.

Các nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp được ban hành trong thời gian qua đều nhấn mạnh yêu cầu đẩy nhanh tiến độ giải quyết đối với các vụ án đơn giản, phạm tội quả tang, chứng cứ rõ ràng, hậu quả nghiêm trọng thông qua việc nghiên cứu, bảo đảm hoạt động tố tụng tiến hành trôi chảy, khắc phục tính chậm chạp trong quá trình giải quyết VAHS. Bên cạnh đó, Việt Nam đã và đang tham gia nhiều điều ước quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và trong hoạt động giải quyết VAHS nói riêng. Điều này tất yếu đòi hỏi các các thủ tục TTHS của Việt Nam, trong đó có các thời hạn tố tụng cần phải có những điều chỉnh thích hợp.

Để đạt được các yêu cầu, nhiệm vụ nêu trên, việc lựa chọn đề tài nghiên cứu "*Thời hạn tố tụng trong pháp luật tố tụng hình sự và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam*" làm luận án tiến sĩ Luật học là rất cấp thiết, có ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu, làm sáng tỏ toàn diện, có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng thời hạn TTHS tại Việt Nam; đề xuất các giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng thời hạn TTHS.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Làm rõ cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn, khái niệm, đặc điểm, các căn cứ quy định và phân loại thời hạn TTHS; nghiên cứu lịch sử PLTTHS Việt Nam từ năm 1945 đến trước khi ban hành BLTTHS năm 2003 về thời hạn tố tụng; nghiên cứu, đánh giá chế định thời hạn tố tụng trong PLTTHS của một số nước đại diện cho các mô hình TTHS điển hình trên thế giới; đánh giá thực trạng quy định và thực tiễn áp dụng các quy định PLTTHS về thời hạn tố tụng; đưa ra những yêu cầu của cải cách tư pháp, các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng thời hạn tố tụng trong PLTTHS.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về thời hạn tố tụng trong PLTTHS và thực tiễn áp dụng của Cơ quan điều tra (CQĐT), Viện kiểm sát (VKS), tòa án tại Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi nghiên cứu:* nghiên cứu thời hạn tố tụng trong các giai đoạn giải quyết VAHS; trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn; trong thủ tục đặc biệt; trong giải quyết VAHS có yếu tố nước ngoài, trả hồ sơ đề điều tra bổ sung, giải quyết toàn bộ VAHS.

- *Phạm vi không gian nghiên cứu:* trên lãnh thổ Việt Nam.

- *Phạm vi về thời gian nghiên cứu:* nghiên cứu pháp luật hiện hành và các số liệu tổ chức và hoạt động tư pháp trong phạm vi 10 năm gần đây (từ năm 2004 đến hết năm 2013).

- *Địa bàn nghiên cứu, khảo sát*: khảo sát, đánh giá trên phạm vi toàn quốc, có chọn điểm một số tỉnh, thành phố đại diện cho các vùng, miền trong cả nước.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

Luận án sử dụng tổng thể nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau như: phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê, phương pháp tọa đàm, trao đổi chuyên gia để giải quyết vấn đề đặt ra của luận án.

5. Những đóng góp mới của luận án

Thứ nhất, làm rõ những vấn đề lý luận chung về thời hạn tố tụng trong PLTTHS; khái quát quá trình hình thành và phát triển chế định thời hạn tố tụng trong PLTTHS Việt Nam từ năm 1945 đến trước khi ban hành BLTTHS năm 2003; phân tích các quy định thời hạn tố tụng trong PLTTHS của một số nước đại diện cho các truyền thống pháp luật điển hình trên thế giới.

Thứ hai, đánh giá thực trạng PLTTHS Việt và thực tiễn áp dụng thời hạn tố tụng trong PLTTHS hiện hành;

Thứ ba, luận giải, làm rõ được những yêu cầu của cải cách tư pháp đối với việc hoàn thiện chế định thời hạn TTHS; Đề xuất, kiến nghị các giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng thời hạn TTHS ở Việt Nam.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Có ý nghĩa lý luận về thời hạn TTHS trong việc làm rõ cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn, khái niệm, đặc điểm, các căn cứ quy định và phân loại thời hạn TTHS.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu và những kiến nghị của luận án sẽ làm cơ sở cho việc hoàn thiện chế định thời hạn tố tụng trong PLTTHS Việt Nam

Các đánh giá, đề xuất, kiến nghị của luận án sẽ có giá trị tham khảo thiết thực đối với các nhà lập pháp hình sự, các cán bộ làm công tác thực tiễn Đồng thời, là một tài liệu tham khảo có giá trị trong việc nghiên cứu

và giảng dạy đào tạo về PLTTHS tại các cơ sở đào tạo cử nhân luật cũng như tại các cơ sở đào tạo nghề luật.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.

Chương 2: Lý luận chung về thời hạn tố tụng trong pháp luật tố tụng hình sự.

Chương 3: Quy định của pháp luật hiện hành về thời hạn tố tụng hình sự và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam.

Chương 4: Các giải pháp hoàn thiện thời hạn tố tụng trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Có khá nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến thời hạn TTHS, dưới nhiều hình thức với phạm vi, mức độ khác nhau nhưng chủ yếu liên quan đến việc phân tích, đánh giá yêu cầu về xét xử nhanh chóng các VAHS. Đây là yêu cầu của tư pháp hình sự quốc tế, được thể hiện trong các Điều ước quốc tế mà các quốc gia thành viên đã cam kết, được thừa nhận rộng rãi và ngày càng có giá trị trong PLTTHS ở nhiều quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu này vẫn chưa giải quyết một cách thỏa đáng, toàn diện các vấn đề lý luận và thực tiễn về thời hạn TTHS.

1.2. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam

Ở trong nước, một số đề tài nghiên cứu khoa học, các bài viết trên các báo, tạp chí trong và ngoài nước nêu trên có đề cập đến vấn đề thời hạn TTHS, trong đó đã đưa ra bình luận, phân tích, đánh giá và đề xuất

hoàn thiện một hoặc một số thời hạn tố tụng trong PLTTHS nhưng xét ở bình diện tổng thể thì chế định thời hạn tố tụng chưa dành được sự quan tâm nghiên cứu của đông đảo các chuyên gia, các nhà khoa học và những người làm công tác thực tiễn cũng như chưa có những công trình chuyên biệt nghiên cứu thấu đáo, toàn diện những vấn đề lý luận và thực tiễn của thời hạn tố tụng, chưa nghiên cứu, đề xuất, hoàn thiện các loại thời hạn tố tụng cho nên thời hạn tố tụng trong PLTTHS hiện hành của Việt Nam chưa được quy định đầy đủ, hoàn thiện, sát với thực tiễn tố tụng ở nước ta.

1.3. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

Từ kết quả của các công trình nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước nêu trên dù ít hay nhiều, trực tiếp hoặc gián tiếp đã nghiên cứu, đề cập đến những vấn đề lý luận về thời hạn TTHS như: khái niệm, ý nghĩa, căn cứ quy định và phân loại thời hạn; đánh giá thực trạng PLTTHS về thời hạn, việc áp dụng các thời hạn này trong thực tiễn và đề xuất kiến nghị hoàn thiện thời hạn tố tụng trong PLTTHS. Một số kết quả nghiên cứu chủ yếu bàn về khái niệm, ý nghĩa, căn cứ, phân loại thời hạn được tác giả kế thừa, phát triển. Một số kết quả nghiên cứu có ý nghĩa tổng kết, đánh giá thực tiễn áp dụng thời hạn áp dụng các biện pháp ngăn chặn, thời hạn trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; một số công trình đã công bố trên tạp chí đã gợi mở, cung cấp thông tin, sự kiện, bình luận giúp cho nghiên cứu sinh kế thừa các luận cứ khoa học để hoàn thành luận án của mình.

Tuy nhiên, đến nay, vẫn chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống, đầy đủ chuyên sâu cả dưới góc độ lý luận và góc độ thực tiễn về thời hạn tố tụng trong PLTTHS và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam. Việc nghiên cứu toàn diện, chi tiết, đầy đủ về thời hạn tố tụng trong PLTTHS sẽ có hiệu quả thiết thực; có một hệ thống cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn vững chắc để thiết kế đúng đắn, hợp lý các quy định về thời hạn tố tụng trong dự án BLTTHS (sửa đổi) sắp tới. Chính vì vậy, việc nghiên cứu đề tài luận án cần phải tiếp tục làm rõ các vấn đề cụ thể sau đây:

Thứ nhất, làm rõ lý luận chung về thời hạn tố tụng trong PLTTHS.

Thứ hai, nghiên cứu, đánh giá quá trình hình thành và phát triển thời hạn tố tụng trong PLTTHS Việt Nam từ năm 1945 đến trước khi ban hành BLTTHS năm 2003.

Thứ ba, nghiên cứu, đánh giá chế định thời hạn tố các nước Pháp, Đức đại diện cho truyền thống pháp luật châu Âu lục địa; các nước Anh, Úc, Hoa Kỳ và Nhật Bản đại diện cho truyền thống pháp luật án lệ, theo mô hình tố tụng tranh tụng; và các nước Nga, Trung Quốc đại diện cho các nước chuyển đổi.

Thứ tư, phân tích, đánh giá toàn diện, đầy đủ các quy định của PLTTHS Việt Nam hiện hành. Đánh giá thực trạng áp dụng các quy định này trong thực tiễn, làm rõ những kết quả đã đạt được cũng như những hạn chế trong thực tiễn áp dụng và nguyên nhân của những vi phạm, hạn chế đó.

Thứ năm, nghiên cứu, làm rõ các yêu cầu về thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các cam kết trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn cũng như kinh nghiệm của một số nước trên thế giới liên quan đến thời hạn TTHS.

Thứ sáu, nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện các quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng thời hạn tố tụng trong PLTTHS.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ THỜI HẠN TỐ TỤNG TRONG PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ

2.1. Cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn, khái niệm, đặc điểm, các căn cứ quy định và phân loại thời hạn tố tụng hình sự

2.1.1. Cơ sở lý luận của việc xác định thời hạn tố tụng hình sự

Xuất phát từ mục đích của TTHS là giải quyết nhanh chóng, đúng đắn các VAHS, xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội; và xuất phát từ nguyên tắc xét xử nhanh chóng của pháp luật quốc tế

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của việc xác định thời hạn tố tụng hình sự

Xuất phát từ yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, khi tội phạm xảy ra phải được phát hiện, điều tra, khám phá kịp thời, đảm bảo tội phạm không thể không bị phát hiện, điều tra, xử lý; *yêu cầu ràng buộc trách nhiệm các chủ thể tố tụng* trong việc khẩn trương, kịp thời áp dụng các biện pháp do luật định để nhanh chóng xác định tội phạm, xác định sự thật khách quan; *yêu cầu nhanh chóng thu thập chứng cứ* để đảm bảo chứng cứ không bị mất đi hoặc bị tiêu hủy và càng gần với thời điểm xảy ra hành vi phạm tội càng tốt; *yêu cầu tính kinh tế, tính hiệu quả* đòi hỏi kết thúc việc giải quyết vụ án trong thời gian sớm nhất có thể để giảm thiểu các chi phí tố tụng, tiết kiệm tiền của cho ngân sách nhà nước ở mức tối đa.

2.1.3. Khái niệm, đặc điểm của thời hạn tố tụng hình sự

- *Khái niệm*: tác giả cho rằng nội hàm khái niệm thời hạn TTHS gồm: *thứ nhất*, thời hạn tố tụng do PLTTHS quy định; *thứ hai*, thời hạn tố tụng là khoảng thời gian được xác định; *thứ ba*, trong khoảng thời gian đã xác định đó để tiến hành các hoạt động tố tụng, hành vi tố tụng cụ thể. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra khái niệm: *Thời hạn tố tụng hình sự là khoảng thời gian do PLTTHS quy định, trong đó các chủ thể TTHS thực hiện các hoạt động, hành vi tố tụng nhằm đạt được mục đích, nhiệm vụ cụ thể.*

- Đặc điểm của thời hạn TTHS

Thứ nhất, thời hạn TTHS vừa mang tính khách quan, vừa mang tính chủ quan, bởi được tính toán trên cơ sở các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong từng thời kỳ lịch sử mang dấu ấn chủ quan của nhà làm luật với yêu cầu của nhân dân, của xã hội đối với quá trình phát hiện, xử lý tội phạm. *Thứ hai*, mỗi thời hạn TTHS đặt ra yêu cầu hoạt động, hành vi tố tụng đối với việc giải quyết các nhiệm vụ nhất định. *Thứ ba*, các thời hạn tố tụng nằm trong một chỉnh thể thống nhất, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. *Thứ tư*, mỗi loại thời hạn tố tụng được áp dụng đối với những chủ thể xác định, buộc

những chủ thể này phải thực hiện các hoạt động, hành vi, quyết định tố tụng trong thời hạn luật định. *Thứ năm*, mỗi thời hạn được kết thúc bằng hành vi, quyết định TTHS khác nhau. *Thứ sáu*, thời hạn được quy định ở dạng tối đa và có thể gia hạn, phục hồi. *Thứ bảy*, thời hạn TTHS được Nhà nước bảo đảm thực hiện.

2.1.4. Các căn cứ quy định thời hạn tố tụng hình sự

Khi thiết kế thời hạn TTHS cần căn cứ vào các yếu tố: phân loại tội phạm; tính chất phức tạp của VAHS; khả năng giải quyết vụ án hình sự (gồm năng lực, trình độ chuyên môn của người tiến hành tố tụng và tỷ lệ giữa người tiến hành tố tụng với số lượng các VAHS phải giải quyết, cơ sở vật chất, phương tiện nghiệp vụ mà các chủ thể TTHS được Nhà nước trang bị); loại thủ tục tố tụng (thủ tục thông thường, thủ tục đối với người chưa thành niên phạm tội, thủ tục rút gọn, thủ tục bút lục) và nhiệm vụ đặt ra cho các giai đoạn tố tụng.

2.1.5. Các căn cứ phân loại thời hạn tố tụng hình sự

- *Căn cứ vào các giai đoạn tố tụng*, TTHS Việt Nam được xác định như một hệ thống các giai đoạn, nối tiếp nhau, có quan hệ biện chứng với nhau, gồm: giai đoạn khởi tố, giai đoạn điều tra, giai đoạn truy tố, giai đoạn xét xử sơ thẩm, giai đoạn xét xử phúc thẩm, giai đoạn thi hành bản án, quyết định của tòa án, giai đoạn xét lại bản án theo trình tự giám đốc thẩm và tái thẩm; tương ứng là thời hạn TTHS của từng giai đoạn tố tụng này. Cùng với các giai đoạn tố tụng còn có thời hạn áp dụng các biện pháp ngăn chặn phục vụ hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và đảm bảo việc thi hành án hình sự.

- *Căn cứ vào hoạt động của các CQTHTT thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo luật định để giải quyết VAHS*, phân chia thành: *Nhóm thứ nhất*: các thời hạn liên quan đến hoạt động khởi tố và điều tra VAHS của CQĐT; *Nhóm thứ hai*: Các thời hạn liên quan đến hoạt động của VKS khi thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; *Nhóm thứ ba*: Các thời hạn liên quan đến hoạt động xét xử của tòa án; *Nhóm thứ tư*:

Các thời hạn liên đến việc thi hành án hình sự của cơ quan thi hành án hình sự; *Nhóm thứ năm*: Các thời hạn liên quan đến hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo trong TTTH của các chủ thể tố tụng.

- *Căn cứ vào mục đích áp dụng của thời hạn TTTH*. Dựa vào căn cứ này, có thể phân chia thời hạn thành thời hạn giải quyết VAHS và thời hạn áp dụng các biện pháp ngăn chặn, thời hạn liên quan đến các quyền tự do, dân chủ của con người.

- *Căn cứ vào định lượng về thời gian*. Theo định lượng thời gian, thời hạn được phân chia thành: thời hạn tính theo giờ, ngày, tháng, năm; thời hạn vừa tính theo ngày vừa tính theo tháng; và thời hạn tố tụng không xác định.

2.2. Khái quát lịch sử pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật tố tụng hình sự về thời hạn tố tụng hình sự

Tác giả phân tích khái quát quá trình phát triển các quy định của PLTTTHS Việt Nam về thời hạn tố tụng qua các giai đoạn: từ năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật TTTH năm 1988, các quy định về thời hạn TTTH chưa có hệ thống, còn sơ sài, nằm tản mạn, rải rác trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau, chủ yếu được ghi nhận trong các văn bản dưới luật quy định về thời hạn liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, chưa có các quy định cụ thể về thời hạn điều tra, truy tố, xét xử VAHS; Giai đoạn từ năm 1988 đến trước khi ban hành BLTTTHS năm 2003 thời hạn được quy định cụ thể, chặt chẽ và đầy đủ hơn gắn liền với các giai đoạn tố tụng, với các hoạt động, hành vi tố tụng của các chủ thể tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, xét thấy trong giai đoạn này do điều kiện khách quan và chủ quan của các chủ thể tiến hành tố tụng còn ở mức độ hạn chế nên các thời hạn tố tụng được quy định tương đối dài, tạo yếu tố thuận lợi cho các chủ thể này mà chưa chú trọng đến việc bảo vệ quyền con người, bảo vệ quyền tự do, dân chủ của công dân.

2.3. Khái quát thời hạn tố tụng trong pháp luật tố tụng hình sự một số nước trên thế giới và những giá trị có thể vận dụng ở Việt Nam

Trong luận án, tác giả đã nêu và phân tích các quy định về thời hạn tố tụng trong PLTTTHS của Pháp, Đức (đại diện cho truyền thống pháp luật châu Âu lục địa); của Vương quốc Anh và Xứ Uên, Hoa Kỳ, Nhật Bản (đại diện cho truyền thống pháp luật án lệ, tranh tụng); của Nga, Trung Quốc (đại diện cho các nước chuyển đổi) và rút ra nhận xét: Do những đặc điểm khác nhau về lịch sử, văn hóa, quan niệm đạo đức và truyền thống pháp luật, PLTTTHS của mỗi quốc gia có những quy định riêng về thời hạn tố tụng phù hợp với điều kiện cụ thể của nước mình. Qua nghiên cứu PLTTTHS các nước cho thấy, một số nước như Nga, Trung Quốc đều có quy định về các thời hạn tố tụng gắn với các giai đoạn, thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, các nước theo truyền thống pháp luật châu Âu lục địa như Pháp, Đức hay các nước theo truyền thống án lệ, tranh tụng như Vương quốc Anh và Xứ Uên, Hoa Kỳ và Nhật Bản đều không quy định thời hạn cụ thể, chi tiết cho các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án mà nhấn mạnh đến việc các CQTHTT thực hiện các thủ tục một cách có hiệu quả và nhanh nhất để tránh bị ràng buộc thời hạn luật định cũng như không tạo sức ép cho việc thu thập chứng cứ và việc chuẩn bị bào chữa của bị can, bị cáo và luật sư bào chữa. PLTTTHS các nước này chỉ tập trung quy định các thời hạn liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo, đó là các thời hạn tạm giữ, thời hạn tạm giam, thời hạn tiến hành hỏi cung đối với bị can, bị cáo, thời hạn chuyển giao các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc bào chữa, thời hạn kháng cáo, kháng nghị đối với bản án, quyết định của tòa án. Mặc dù, không có các quy định về thời hạn điều tra, truy tố, xét xử, nhưng pháp luật các nước này cũng thiết lập các cơ chế tố tụng và phi tố tụng khác để bảo đảm tiến trình tố tụng đối với vụ án được tiến hành nhanh chóng, đáp ứng đòi hỏi của công chúng, đồng thời tránh những khó khăn về mặt chứng cứ có thể xuất hiện do việc kéo dài quá trình giải quyết vụ án.

Chương 3

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ THỜI HẠN TỔ TỤNG HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI VIỆT NAM

3.1. Quy định của pháp luật về thời hạn trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố và thực tiễn áp dụng

Trong mục này, tác giả phân tích, chỉ ra những điểm bất cập, chưa hợp lý trong việc quy định thời điểm hết thời hạn theo ngày; thời điểm tính thời hạn; việc nhận thức chưa thống nhất, áp dụng chưa chính xác về cách tính và ghi thời hạn tạm giam theo tháng. Đồng thời, phân tích, đánh giá các quy định về thời hạn trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố và thực tiễn áp dụng, tuy nhiên, nội dung này có liên quan chặt chẽ với mục 3.2 nên tác giả sẽ phân tích, đánh giá chung nội dung này cùng với mục 3.2.

3.2. Quy định của pháp luật thời hạn trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm, thi hành án và thực tiễn áp dụng

Trong mục 3.1 và mục 3.2, tác giả đã phân tích, đánh giá rằng BLTTHS năm 2003 quy định một hệ thống thời hạn tố tụng tương ứng với các giai đoạn tố tụng, gắn liền với các hoạt động, hành vi của CQTHTT, người tiến hành tố tụng, từ khi tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm, khởi tố cho đến khi giải quyết xong VAHS, trong đó gồm cả khâu thi hành bản án hình sự; đảm bảo cho mọi hoạt động tố tụng, hành vi tố tụng của các chủ thể tiến hành tố tụng được điều chỉnh chặt chẽ bởi thời hạn tố tụng bao gồm: thời hạn kiểm tra, xác minh tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố; thời hạn quyết định việc truy tố; thời hạn chuẩn bị xét xử; thời hạn đưa bản án, quyết định ra thi hành; thời hạn gửi các quyết định tố tụng; thời hạn VKS phê chuẩn các quyết định tố tụng của CQĐT; Quy định trách nhiệm của các chủ thể tiến hành tố tụng phải ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án trong trường hợp hết thời hạn tố tụng mà không chứng minh được tội phạm và người thực hiện tội

phạm. Các thời hạn tố tụng trong BLTTHS hiện hành được quy định chặt chẽ, có điểm bắt đầu, có điểm kết thúc, nối tiếp nhau đã ràng buộc trách nhiệm các chủ thể tiến hành tố tụng trong việc thực hiện các hành vi, quyết định tố tụng, hạn chế sự lạm dụng và tùy tiện, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Bên cạnh đó, Bộ luật này đã tạo cho các chủ thể tiến hành tố tụng sự chủ động rất lớn về mặt thời gian khi quy định hầu hết các thời hạn ở dạng tối đa để hoàn thành một công việc đúng thời hạn. Ngoài ra, trong các giai đoạn tố tụng, hầu hết các thời hạn đều được gia hạn do tính phức tạp của vụ án. Tuy nhiên, chính các quy định về việc gia hạn thời hạn trên vừa có mặt tích cực là tạo điều kiện cho chủ thể tiến hành tố tụng có đủ thời gian để tiến hành thận trọng, thu thập, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ nhưng cũng có mặt hạn chế là việc gia hạn thời hạn dễ bị lạm dụng, tạo ra sự thụ động, dựa dẫm, ỷ lại của chính các chủ thể tiến hành tố tụng, gia tăng những thiệt hại, bất lợi cho người bị tình nghi và sự lãng phí về nguồn lực con người, thời gian, tiền của khi xử lý vụ án kéo dài. Ngoài ra, BLTTHS năm 2003 còn bộc lộ một số hạn chế cần được khắc phục như căn cứ quy định thời hạn chủ yếu dựa vào phân loại tội phạm, chưa quy định thời hạn cho một số thủ tục tố tụng, một số thời hạn tố tụng quy định còn dài làm cho việc kéo dài thời hạn tố tụng không cần thiết trong khi đó một số thời hạn lại được quy định ngắn, gây áp lực cho các chủ thể tiến hành tố tụng, hạn chế hiệu quả hoạt động giải quyết VAHS thời gian qua, ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích của công dân, nhất là quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

Thực tiễn áp dụng thời hạn trong các giai đoạn này thời gian qua cho thấy về cơ bản các chủ thể tiến hành tố tụng trong quá trình phát hiện, xử lý tội phạm đã đẩy nhanh tiến độ giải quyết VAHS, đa số các loại thời hạn tố tụng được tuân thủ trong thực tiễn, hầu như không có trường hợp nào vi phạm thời hạn. Với việc tuân thủ các thời hạn tố tụng đã chứng minh tính hiệu quả của bộ máy TTHS, chứng minh ý thức trách nhiệm,

tính tích cực, chủ động của các bộ phận trong bộ máy TTTHS, hạn chế được tình trạng "chậm chạp" trong công việc, tình trạng "xin" gia hạn thời hạn để né tránh công việc của những người tiến hành tố tụng cũng như phản ánh tính khoa học, tính phù hợp của nhiều thời hạn tố tụng trong PLTTTHS hiện hành với thực tiễn áp dụng. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc vi phạm các quy định về thời hạn tố tụng của các chủ thể tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án vẫn còn xảy ra, tiến độ giải quyết một số vụ án còn chậm. Một số vụ án do tính chất vụ việc phức tạp, chất lượng điều tra, truy tố chưa đảm bảo, tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ, do vậy hồ sơ phải trả đi trả lại nhiều lần, kéo dài việc giải quyết vụ án trong nhiều năm, gây ra những hậu quả nghiêm trọng về nhiều mặt, làm cho quá trình tố tụng không thể đạt mục đích đề ra, làm giảm sút niềm tin của quần chúng nhân dân vào các cơ quan bảo vệ pháp luật, ảnh hưởng xấu đến hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm cũng như công tác đối nội, đối ngoại của đất nước, xâm hại ở mức độ đáng kể đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

3.3. Quy định của pháp luật về thời hạn áp dụng các biện pháp ngăn chặn và thực tiễn áp dụng

Tác giả phân tích các quy định của pháp luật về thời hạn liên quan đến việc bắt người, thời hạn tạm giữ; thời hạn tạm giam trong các giai đoạn tố tụng; đồng thời đánh giá thực tiễn áp dụng các loại thời hạn này. Cụ thể tác giả cho rằng thực tiễn áp dụng thời hạn tạm giữ ở một số địa phương thực hiện tương đối tốt, nhiều địa phương không vi phạm thời hạn tạm giữ. Tuy nhiên, trên phạm vi toàn quốc vẫn còn tình trạng vi phạm thời hạn tạm giữ, trong đó có trường hợp để quá hạn tạm giữ nhiều ngày. Nhiều trường hợp thời hạn tạm giữ không đúng quy định. Đối với thời hạn tạm giam, việc áp dụng thời hạn này ở một số địa phương được thực hiện nghiêm túc, đúng thời hạn luật định, không có vụ nào quá hạn tạm giam. Tuy nhiên, trên phạm vi toàn quốc, vẫn còn tình trạng vi phạm thời hạn tạm giam; ở một số địa phương, tình trạng tạm giam quá hạn

luật định còn nhiều, một số trường hợp kéo dài thời hạn tạm giam nhiều năm. Trong khi đó, BLTTTHS hiện hành không quy định thời hạn áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm nên không biết khi nào kết thúc việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn này. Thực tế cho thấy CQĐT ra quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị can nhưng khi hồ sơ vụ án liên quan đến họ được chuyển sang giai đoạn truy tố, xét xử thì quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú vẫn có hiệu lực. Vì vậy, một lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú được sử dụng suốt trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, có trường hợp lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú vẫn tồn tại đến khi bị án chấp hành xong hình phạt.

3.4. Quy định của pháp luật về thời hạn trong thủ tục đặc biệt và thực tiễn áp dụng

3.4.1. Thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên phạm tội

BLTTTHS hiện hành không có quy định riêng về thời hạn điều tra, truy tố, xét xử và thời hạn tạm giam đối với người chưa thành niên phạm tội theo hướng ngắn hơn thời hạn áp dụng đối với người đã thành niên trong vụ án thông thường. Đây là điều bất hợp lý khi các Công ước quốc tế về bảo vệ quyền của người chưa thành niên, thủ tục tư pháp đối với người chưa thành niên mà Việt Nam là thành viên đều yêu cầu phải có thủ tục thân thiện đối với nhóm người cần đến sự quan tâm đặc biệt này.

3.4.2. Thủ tục rút gọn

Thời hạn giải quyết toàn bộ VAHS đối với tội ít nghiêm trọng là 128 ngày (trong đó, thời hạn điều tra 60 ngày, thời hạn truy tố 20 ngày, thời hạn chuyển hồ sơ đến tòa án 03 ngày, thời hạn chuẩn bị xét xử 30 ngày và thời hạn để mở phiên tòa 15 ngày) gấp 4 lần thời hạn giải quyết quyết toàn bộ VAHS theo thủ tục rút gọn là 30 ngày (trong đó thời hạn điều tra 12 ngày, thời hạn truy tố 04 ngày, thời hạn chuẩn bị xét xử 07 ngày, thời hạn để mở phiên tòa 07 ngày). Như vậy, quy định thời hạn giải quyết VAHS theo thủ tục rút gọn là ngắn, chưa hợp lý, chưa bảo đảm đủ thời gian để các CQTHTT hoàn tất việc giải quyết vụ án. Đây là một trong những nguyên

nhân chính dẫn tới việc các CQĐT chưa mạnh dạn áp dụng thủ tục rút gọn vì lo ngại sẽ vi phạm quy định về thời hạn. Thực tiễn, số lượng vụ án áp dụng thủ tục rút gọn chiếm tỷ lệ chưa đến 1% tổng số vụ án thụ lý.

3.4.3. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các quyết định, hành vi tố tụng của thủ trưởng, phó thủ trưởng và các chức danh tư pháp của CQĐT, VKS, tòa án được quy định giống nhau nhưng lại được quy định rải rác ở các điều luật khác nhau trong BLTTHS hiện hành. Hơn nữa các điều luật này cũng chưa quy định đối với trường hợp việc giải quyết đơn khiếu nại có tính chất phức tạp. Bộ luật này cũng chưa quy định trong trường hợp người tố cáo cho rằng việc giải quyết tố cáo không đúng pháp luật, không đồng ý với kết quả giải quyết lần thứ nhất thì người tố cáo có quyền tố cáo tiếp với người có thẩm quyền giải quyết tố cáo lần 2 và thời hạn cụ thể để giải quyết lần 2.

Thực tiễn áp dụng các thời hạn này cho thấy các cơ quan tư pháp đã chú trọng giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, về cơ bản, bảo đảm giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đúng thời hạn, góp phần hạn chế tình trạng khiếu nại, tố cáo kéo dài, bức xúc hoặc khiếu kiện vượt cấp. Tuy nhiên, bên cạnh đó việc trả lời đơn cho đương sự trong một số trường hợp chưa cụ thể, thiếu thuyết phục, dẫn tới đương sự tiếp tục khiếu nại, làm cho việc giải quyết kéo dài, thậm chí trở thành bức xúc, nổi cộm. Nhiều trường hợp khiếu nại bức xúc, gay gắt, kéo dài tại trụ sở tòa án các cấp chưa được lãnh đạo các cấp tòa án quan tâm giải quyết triệt để.

3.5. Quy định của pháp luật về thời hạn giải quyết vụ án hình sự có yêu cầu trợ tư pháp hoặc dẫn độ tội phạm, trả hồ sơ để điều tra bổ sung, giải quyết toàn bộ vụ án hình sự, chế tài xử lý khi vi phạm thời hạn tố tụng hình sự và thực tiễn áp dụng

3.5.1. Vụ án hình sự có yêu cầu trợ tư pháp hoặc dẫn độ tội phạm

BLTTHS chưa quy định các trường hợp ngoại lệ như thời hạn điều tra truy tố, xét xử các vụ án phải yêu cầu nước ngoài trợ tư pháp

hoặc dẫn độ tội phạm. Việc chưa có quy định riêng về thời hạn này đã gây không ít khó khăn cho việc giải quyết đối với các vụ án này trong thời gian qua.

3.5.2. Trả hồ sơ để điều tra bổ sung

Do điều luật quy định không rõ ràng và nhận thức không thống nhất nên thực tiễn giải quyết VAHS cho thấy số vụ án trả hồ sơ để điều tra bổ sung trên tổng số vụ án thụ lý, giải quyết vẫn chiếm tỷ lệ không nhỏ; số vụ án trả để điều tra bổ sung vì những lý do không xác đáng, trả đi trả lại nhiều lần vẫn còn xảy ra. Một số CQĐT, VKS còn bảo thủ, VKS, tòa án đã trả đúng nhưng không chấp nhận, không bổ sung tài liệu, chứng cứ, dẫn đến phải họp liên ngành để giải quyết, làm kéo dài việc xử lý vụ án. Tuy nhiên, cũng có nhiều trường hợp VKS, tòa án trả hồ sơ một cách tùy tiện hay để hợp lý hóa về thời hạn tố tụng, dẫn đến tình trạng kéo dài thời hạn giải quyết VAHS, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Thực tế giải quyết vụ án cho thấy, có trường hợp Tòa án có 6 lần và VKS có 9 lần ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm cho VAHS kéo dài 5 năm, 6 năm chưa giải quyết xong, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp cho bị can, bị cáo

3.5.3. Thời hạn giải quyết toàn bộ vụ án hình sự và chế tài xử lý khi vi phạm thời hạn tố tụng hình sự

BLTTHS chưa xác định thời hạn cho toàn bộ quá trình giải quyết VAHS nên thời hạn tạm giam trong toàn bộ quá trình giải quyết VAHS cũng không bị giới hạn, dẫn đến thực tế có những bị can, bị cáo bị tạm giam kéo dài đến 6 năm mà vẫn chưa kết thúc. Đây là điều khó được chấp nhận trong một nền tư pháp dân chủ, bảo đảm quyền con người nói chung, quyền của bị can, bị cáo nói riêng. BLTTHS cũng chưa quy định đầy đủ chế tài khi vi phạm thời hạn. Trong khi đó, đối với trình tự, thủ tục trong BLTTHS đòi hỏi các chủ thể phải tuân thủ một cách nghiêm chỉnh. Việc không tuân thủ nghiêm chỉnh các trình tự, thủ tục về nguyên tắc sẽ làm cho các quyết định của các CQĐT, VKS hay tòa án không bảo đảm tính hợp pháp và có thể bị hủy bỏ.

3.6. Nguyên nhân của những vi phạm, hạn chế trong thực tiễn áp dụng thời hạn tố tụng hình sự

3.6.1. Nguyên nhân về pháp luật

Một số thời hạn quy định không khả thi, không phù hợp với thực tế đấu tranh phòng, chống tội phạm, điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội, truyền thống, phong tục tập quán của Việt Nam. Khi xây dựng các quy định của PLTTHS về thời hạn chưa đặt trong mối quan hệ hợp lý với tất cả các vấn đề liên quan đến việc hiện thực chúng trong thực tiễn. Bên cạnh đó, việc xây dựng và hoàn thiện văn bản hướng dẫn, giải thích thi hành BLTTHS chưa kịp thời, nhất là những chế định có liên quan đến việc thực hiện các thời hạn tố tụng, dẫn đến việc nhận thức và áp dụng pháp luật của các chủ thể tố tụng gặp không ít khó khăn, vướng mắc.

3.6.2. Nguyên nhân về tổ chức thực hiện và cơ chế hoạt động thực tiễn

Trình độ nhận thức, phẩm chất chính trị, tinh thần trách nhiệm của các chủ thể tố tụng chưa cao; Cơ chế ràng buộc trách nhiệm của CQĐT trong việc thực hiện các quyết định, yêu cầu của VKS chưa được quy định chặt chẽ; Chưa phân định rành mạch, rõ ràng thẩm quyền quản lý hành chính và thẩm quyền tố tụng giữa cấp trưởng CQĐT, VKS, tòa án với điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán trực tiếp tiến hành tố tụng; Công tác phối hợp giữa các chủ thể tiến hành tố tụng còn mang tính hình thức, không chặt chẽ, còn nể nang, né tránh, còn xác định "quyền anh, quyền tôi".

3.6.3. Nguyên nhân về thanh tra, kiểm tra, giám sát

Thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ của các cơ quan tư pháp chưa chặt chẽ, thiếu hiệu quả; Hoạt động giám sát của các cơ quan dân cử chưa được thực hiện thường xuyên, còn mang tính hình thức, chưa hiệu quả, còn xảy ra tình trạng chông lẩn, mâu thuẫn hoặc không hợp lý trong sự phân cấp, phân công hoặc phối hợp giám sát của các chủ thể thực hiện quyền giám sát này; Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên chưa chủ động, nhiều đề xuất, kiến nghị hiệu quả pháp lý chưa cao; Tính chủ động sáng tạo, trách nhiệm trong việc tổ

chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ giám sát của VKS chưa cao, chưa kiên quyết, triệt để nên chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát còn hạn chế; Vai trò của một số phương tiện thông tin đại chúng hiện còn hạn chế như thông tin không trung thực, thiếu chính xác, chưa chi phối làm chủ thông tin và định hướng được dư luận xã hội, gây áp lực và ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các chủ thể tiến hành tố tụng trong việc giải quyết các VAHS; Những đòi hỏi và yêu cầu về quyền làm chủ của nhân dân thông qua hoạt động giám sát chưa được ưu tiên thực hiện, áp lực của nhân dân đối với các hoạt động tố tụng cũng chưa mạnh mẽ.

3.6.4. Nguyên nhân về tổ chức bộ máy, cán bộ và cơ sở vật chất - kỹ thuật, kinh phí cho hoạt động tố tụng của các cơ quan tư pháp

Tổ chức hệ thống các CQTHTT ở nước ta còn bất hợp lý, một số vướng mắc trong công tác tổ chức cán bộ chưa được tập trung nghiên cứu, đề xuất biện pháp giải quyết; còn nặng về việc xử lý các tình huống cụ thể mà chưa tập trung đi sâu nghiên cứu những vấn đề có tính định hướng, những giải pháp mang tính đột phá trong công tác tổ chức cán bộ. Trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ điều tra, kiểm sát, xét xử của một số điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán và hội thẩm các cấp còn nhiều hạn chế, yếu kém, chưa đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp. Công tác sơ kết, tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm chuyên môn về nghiệp vụ chưa được các CQTHTT tiến hành thường xuyên, nhất là chuyên đề thực hiện các thời hạn TTHS. Việc tập huấn, đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, hội thẩm các cấp chưa được quan tâm đúng mức. Chất lượng của đội ngũ luật sư không đồng đều. Bên cạnh đó, tinh thần trách nhiệm của một số luật sư chưa cao, một số luật sư chưa thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện về chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức. Nhận thức của một số ngành, địa phương về vai trò, tầm quan trọng của hoạt động giám định tư pháp chưa đầy đủ, dẫn đến thiếu quan tâm đầu tư cho công tác này nên tổ chức giám định tư pháp còn bất cập, đội ngũ giám định viên còn thiếu, dẫn đến giám định chậm, không thể giám định đối với một số trường hợp mới phát sinh.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, phương tiện bảo đảm công tác còn thiếu thốn, quá thô sơ, nghèo nàn và lạc hậu, nhất là ở cấp huyện, vùng sâu, vùng xa. Bên cạnh đó, định mức kinh phí hiện nay của các cơ quan tư pháp còn quá hạn hẹp, một số địa phương thụ lý nhiều vụ án gặp không ít khó khăn vì không có kinh phí chi thường xuyên cho công tác.

Chương 4

CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN THỜI HẠN TỔ TỤNG TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

4.1. Các yêu cầu đối với việc hoàn thiện thời hạn tố tụng trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam

4.1.1. Thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực tố tụng hình sự

Cần quán triệt mục tiêu, thể chế hóa sâu sắc các quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp với việc nhấn mạnh yêu cầu kiểm soát tội phạm, đấu tranh phòng chống tội phạm nhanh chóng, kịp thời, có hiệu quả.

4.1.2. Thực hiện cam kết trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

Đổi mới thời hạn TTHS nhằm giải quyết căn bản các vấn đề hội nhập quốc tế và thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết quốc tế của Việt Nam liên quan đến hoạt động TTHS, bảo đảm tạo lập các thời hạn tố tụng hợp lý cho việc giải quyết các vụ án có yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp, dẫn độ tội phạm.

4.1.3. Khắc phục những bất cập, hạn chế trong pháp luật hiện hành, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của một số nước trên thế giới

Đổi mới các thời hạn TTHS phải toàn diện và đạt hiệu quả cao, khắc phục triệt để những hạn chế, vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn thi hành thời hạn TTHS trong thời gian qua, kế thừa và phát triển những

quy định đã phát huy tác dụng tích cực trong đấu tranh phòng chống tội phạm ở nước ta; Tiếp thu có chọn lọc PLTTHS tiên tiến của các nước phù hợp với đặc điểm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, truyền thống của Việt Nam.

4.1.4. Đáp ứng yêu cầu, mục đích của Bộ luật tố tụng hình sự

Hoàn thiện chế định thời hạn tố tụng phải bảo đảm tạo lập các cơ sở pháp lý để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi phạm tội, đẩy nhanh quá trình phát hiện và xử lý tội phạm, bảo đảm không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, bảo vệ các quyền cơ bản của con người trong TTHS.

4.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về thời hạn tố tụng

Trong mục này, tác giả đề xuất hoàn thiện quy định chung về thời hạn TTHS, thời hạn trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; thời hạn áp dụng các biện pháp ngăn chặn; thời hạn trong thủ tục đặc biệt; thời hạn giải quyết VAHS có yêu cầu tương trợ tư pháp, dẫn độ tội phạm, trả hồ sơ đề điều tra bổ sung, giải quyết toàn bộ VAHS và biện pháp, chế tài xử lý khi vi phạm thời hạn TTHS với các hướng đề xuất cụ thể là: Hoàn thiện các quy định về tiêu chí xác định thời hạn, cách tính thời hạn và thời điểm tính thời hạn; Tăng thời hạn đối với một số loại thời hạn tố tụng nhằm giảm áp lực cho các CQTHTT, người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đảm bảo tính khả thi trong thực tiễn áp dụng; Rút ngắn một số thời hạn tố tụng để đảm bảo đẩy nhanh việc giải quyết VAHS; Quy định rõ một số loại thời hạn để tránh tình trạng lạm dụng hoặc áp dụng tùy tiện; Bổ sung một số loại thời hạn mà BLTTHS năm 2003 chưa có quy định nhằm xác định rõ trách nhiệm của CQTHTT, người tiến hành tố tụng, đồng thời đẩy nhanh tiến độ giải quyết vụ án.

4.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng thời hạn tố tụng trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam

Trong mục này, tác giả phân tích, luận giải giải pháp về tổ chức thực hiện và cơ chế hoạt động thực tiễn gồm như nâng cao vai trò, trách nhiệm của các chủ thể tiến hành tố tụng, đổi mới cơ chế hoạt động thực tiễn và mối quan hệ giữa các chủ thể tiến hành tố tụng; Giải pháp về thanh tra, kiểm tra, giám sát như tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát để phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân có vi phạm PLTTHS nói chung, thời hạn tố tụng nói riêng. Các giải pháp về tổ chức bộ máy, cán bộ và cơ sở vật chất - kỹ thuật, kinh phí cho hoạt động TTHS như hoàn thiện tổ chức bộ máy của các cơ quan tư pháp, đổi mới công tác cán bộ của các cơ quan tư pháp, hoàn thiện thiết chế hỗ trợ tư pháp, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, kinh phí cho hoạt động TTHS

KẾT LUẬN

1. Thời hạn TTHS có vị trí và vai trò quan trọng trong quá trình giải quyết VAHS, nếu được quy định hợp lý, khoa học, kết hợp một cách hợp lý giữa các tiêu chí về phân loại tội phạm, tính chất, mức độ phức tạp của vụ án, khả năng giải quyết giải quyết VAHS của các chủ thể tiến hành tố tụng sẽ góp phần quan trọng thúc đẩy các chủ thể tiến hành tố tụng đẩy nhanh tiến độ giải quyết vụ án nhưng cũng đảm bảo đủ thời gian cần thiết để thực hiện các hoạt động, hành vi tố tụng nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm; tiết kiệm thời gian, công sức, tiền bạc của Nhà nước và những người tham gia tố tụng khác; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước, của tổ chức và cá nhân, đặc biệt là quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Việc quy định chặt chẽ, đầy đủ các thời hạn thực hiện các hoạt động tố tụng, hành vi tố tụng và thời hạn áp dụng các biện pháp ngăn chặn để đề cao tinh thần trách nhiệm các chủ thể tiến hành tố tụng, ngăn chặn sự chậm trễ, sự

tự tiện trong việc giải quyết VAHS, góp phần thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của luật TTHS, vào công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Thời hạn TTHS được hình thành, phát triển và không ngừng được hoàn thiện cùng với quá trình lịch sử PLTTHS của nước ta từ năm 1945 cho đến nay. Trước khi ban hành BLTTHS năm 1988 và BLTTHS năm 2003, các quy định về thời hạn tố tụng được quy định sơ sài, tập trung chủ yếu vào thời hạn tạm giữ, thời hạn tạm giam, thời hạn đưa vụ án ra xét xử, các thời hạn này được quy định không có hệ thống. Kể từ khi ban hành BLTTHS năm 1988 và tiếp tục được sửa đổi, bổ sung toàn diện năm 2003 thì hệ thống thời hạn TTHS đã được quy định để ràng buộc các hoạt động, hành vi tố tụng của các chủ thể tố tụng, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc phát hiện, điều tra, khám phá tội phạm, hạn chế việc xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của tổ chức, công dân. Tuy nhiên, xét trong giai đoạn này do các điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của đất nước nên các thời hạn TTHS được quy định theo thiên hướng đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả, chưa chú trọng đến bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Vì vậy, để đáp ứng hài hòa giữa các yêu cầu này thì chế định thời hạn phải tiếp tục được đổi mới, hoàn thiện.

3. Đổi mới thời hạn TTHS là đòi hỏi tất yếu khách quan trong sự nghiệp đổi mới tư pháp, hội nhập quốc tế nên phải theo xu hướng chung của các nước trên thế giới. Vì vậy nghiên cứu tham khảo thời hạn tố tụng trong PLTTHS của các nước đại diện cho các mô hình TTHS điển hình trên thế giới, làm bài học cho việc nghiên cứu hoàn thiện thời hạn TTHS ở nước ta là cần thiết. Nghiên cứu thời hạn TTHS một số quốc gia cho thấy cơ sở chính trị, xã hội, truyền thống pháp luật, lịch sử, văn hoá, quan niệm đạo đức có vai trò quan trọng khi xây dựng thời hạn TTHS ở mỗi nước và có sự khác nhau giữa các quốc gia và càng khác nhau cơ bản giữa các mô hình TTHS. Mặc dù vậy, kinh nghiệm PLTTHS ở các quốc gia chuyển đổi như Nga, Trung Quốc có những đặc điểm kinh tế, chính

trị, pháp lý tương đồng với Việt Nam cho thấy điểm chung giống nhau là đều có quy định về các thời hạn tố tụng gắn với các giai đoạn, các thủ tục tố tụng, bảo đảm tiến trình tố tụng đối với vụ án được tiến hành nhanh chóng, kịp thời, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, chắc chắn là không đúng nếu sao chép nguyên bản thời hạn TTHS của các quốc gia này. Hơn nữa, không thể có một khuôn mẫu chung thống nhất cho thời hạn TTHS của các quốc gia, vì vậy tiếp thu kinh nghiệm PLTTHS nước ngoài phải đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

4. Thực tiễn áp dụng PLTTHS ở nước ta trong thời gian qua cho thấy các quy định về thời hạn TTHS hiện hành đã phát huy hiệu quả, thúc đẩy các chủ thể tiến hành tố tụng nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm, tích cực, chủ động trong việc đẩy nhanh tiến độ giải quyết VAHS, khắc phục tình trạng vi phạm, hạn chế thấp nhất việc kéo dài, gia hạn thời hạn tố tụng trong những trường hợp không cần thiết. Tuy nhiên, ở một số nơi, trong một số trường hợp vẫn còn xảy ra tình trạng giải quyết một số vụ án còn chậm chạp, kéo dài, vi phạm thời hạn TTHS, không đáp ứng yêu cầu kịp thời đấu tranh phòng, chống tội phạm, xâm phạm quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Vì vậy, việc phát hiện, tìm ra được các nguyên nhân của tình trạng này là đòi hỏi, yêu cầu bức thiết để trên cơ sở đó đưa ra những kiến nghị, giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện thời hạn TTHS và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định này trong thực tiễn.

5. Cải cách tư pháp nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, tích cực trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp, tăng cường trách nhiệm của các CQTHTT và người tiến hành tố tụng trong việc phát hiện và xử lý tội phạm, đấu tranh có hiệu quả đối với các loại tội phạm và vi phạm pháp luật, bảo đảm ngày càng tốt hơn các quyền con người trong TTHS đặt ra việc hoàn thiện chế định thời hạn tố tụng phải trên cơ sở lý luận khoa học và cơ sở thực tiễn đã được đúc rút, tổng kết qua các thời kỳ, kế thừa các quy định hiện hành đang phát huy hiệu quả, có tiếp thu,

bổ sung những điểm tích cực, tiến bộ của các nước trên thế giới phù hợp với thực tiễn khách quan của nước ta. Việc hoàn thiện chế định thời hạn tố tụng cần được đặt trong bối cảnh thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ cải cách chính trị, kinh tế, hành chính, văn hóa, xã hội nói chung, cải cách tư pháp nói riêng, đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với việc đổi mới tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp, đổi mới các thủ tục tố tụng tư pháp hình sự trong tình hình mới.

6. Để các quy định về thời hạn TTHS được thực hiện nghiêm chỉnh, phát huy hiệu quả trong thực tiễn áp dụng cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp, đảm bảo số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nâng cao vai trò, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, tự giác, tích cực trong hoạt động tố tụng của người tiến hành tố tụng với phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo, chuyên nghiệp; Đổi mới phương thức tổ chức chỉ đạo, điều hành và thủ tục hành chính - tư pháp theo hướng nhanh gọn, hiệu lực, hiệu quả; phân công, phân cấp hợp lý, cụ thể, gắn quyền hạn với trách nhiệm; Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát phải được tăng cường, đổi mới, được thực hiện thường xuyên, liên tục, kịp thời phát hiện những vi phạm thời hạn tố tụng để uốn nắn, xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật; Tăng cường đầu tư, cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, công cụ, phương tiện làm việc, đảm bảo cho hoạt động tố tụng được thực hiện trôi chảy, nhịp nhàng, hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.